**Mẫu số 12/ĐK**

|  |  |
| --- | --- |
| ................ (TÊN ĐƠN VỊ CHUYỂNTHÔNG TIN(1)) **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: …../PCTT | *…......, ngày …... tháng ….. năm …..* |

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN****ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: …………………………….

|  |
| --- |
| **I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI**  1.1. Mã hồ sơ (2) :……………………….  1.2. Ngày nhận hồ sơ (3) :………………… |
| **II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT** |
| 2.1. Tên (4): ………………………………………………………………………………………………  2.2. Địa chỉ (5): ………….………….………….………….………….………….………….………….  2.3. Số điện thoại liên hệ: ………………………… Email (nếu có):……………………………….  2.4. Mã số thuế (nếu có):……………………………………………………………………………...  2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân (6): ………………………………………………………………  Số………………...; ngày cấp:…………………………..nơi cấp…………………………………….  2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính (7): ………………………………………………. |
| **III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT** |
| 3.1. Thông tin về đất  3.1.1. Thửa đất số:………………………………..; Tờ bản đồ số: …………………………………;  3.1.2. Địa chỉ tại (8): ………………………………………………………….;  3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất:  - Đường/đoạn đường/khu vực: ……………………………………………………..  - Vị trí thửa đất (9): …………………………………………………………………….  - Chiều sâu của thửa đất (nếu có): ………………………………….m.  - Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):…………………………………m.  3.1.4. Diện tích thửa đất:…………………………..m2  - Diện tích sử dụng chung:………………………...m2  - Diện tích sử dụng riêng:………………………….m2  - Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:………………………………………….m2  - Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):………………………………..m2  - Diện tích đất trong hạn mức:…………………………..m2  - Diện tích đất ngoài hạn mức:…………………………..m2  3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:………………………………………………………………………  3.1.6. Mục đích sử dụng đất (10):…………………………………………………………………….  3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:  - Ổn định lâu đài □  - Có thời hạn: …………….năm. Từ ngày ………/……../……… đến ngày: ………/……./………  - Gia hạn……………….….năm. Từ ngày ………/……../……… đến ngày: ………/……./………  3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày: ………/……../………;  3.1.9. Giá đất(11):………………………………………………………………………………………  3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất (12):…………………………………………………………. |
| 3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất  3.2.1. Loại nhà ở, công trình:……………..; cấp hạng nhà ở, công trình:………………….……;  3.2.2. Diện tích xây dựng:…………………………………………………………………………m2;  3.2.3. Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng:……………………………………………….m2;  3.2.4. Diện tích sở hữu chung:……………….m2; Diện tích sở hữu riêng:…………………...m2;  3.2.5. Số tầng:………….tầng; trong đó, số tầng nổi:……..tầng, số tầng hầm:……...……..tầng;  3.2.6. Nguồn gốc:………………………………………………………………………………………  3.2.7. Thời hạn sở hữu đến:………………… năm. |
| **IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH** |
| - Tiền sử dụng đất:………………………….………………………….………  - Lệ phí trước bạ:………………………………………………………………. |
| **V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP (13)**  ...................................................………………………….………………………………………….  ...................................................………………………….………………………………………….  ...................................................………………………….…………………………………………. |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**HƯỚNG DẪN GHI MỘT SỐ THÔNG TIN  
TẠI PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN**

|  |
| --- |
| (1) Ghi tên Phòng Tài nguyên và Môi trường hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.  (2) Ghi Mã hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính).  (3) Ghi theo thời gian nhận hồ sơ trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.  Mục II. Ghi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất. Trường hợp nhiều người cùng chung quyền sử dụng đất, cùng chung quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì ghi thông tin một người đại diện.  (4) Cá nhân ghi họ tên, năm sinh; hộ gia đình ghi tên và năm sinh các thành viên hộ gia đình có chung quyền sử dụng đất; vợ chồng ghi họ tên, năm sinh của cả người vợ và chồng; Tổ chức ghi tên theo quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư; cá nhân nước ngoài và người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch.  (5) Địa chỉ để gửi Thông báo nghĩa vụ tài chính và trong trường hợp cần thiết liên lạc đề nghị cung cấp hồ sơ bổ sung theo quy định.  (6) Ghi tên loại giấy tờ nhân thân/pháp nhân như: Căn cước công dân, Căn cước, Hộ chiếu, Quyết định thành lập v.v...  (7) Ghi loại thủ tục như: Cấp Giấy chứng nhận lần đầu, chuyển nhượng, tặng cho, v.v...  **Mục III.**  **Điểm 3.1.** Ghi thông tin từng thửa đất. Trường hợp có nhiều thửa đất, vị trí, căn cứ pháp lý, mục đích sử dụng thì kê khai thông tin chung và tổng diện tích; đồng thời lập danh sách theo Mẫu số 01a/LCHS  (8) Ghi rõ tên đường/phố, xã/phường/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố;  (9) Vị trí thửa đất trong bảng giá đất (vị trí 1, 2, 3,...);  (10) Mục đích sử dụng đất theo phân loại đất và là mục đích tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc mục đích sau khi chuyển mục đích sử dụng đất.  (11) Giá đất theo bảng giá hoặc giá đất cụ thể;  (12) Ghi tên loại giấy tờ, số, ngày, tháng, năm và trích yếu của văn bản. Ví dụ: Quyết định giao đất số 15/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 về việc giao đất tái định cư v.v...  **Điểm 3.2.** Ghi thông tin về tài sản gắn liền với đất.  **Mục V.**(13) Ghi các giấy tờ do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản nộp. |

**Mẫu số 13/ĐK**